

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2020/HC-PT

Ngày: 02/7/2020

*V/v Kiện quyết định hành chính
về áp dụng biện pháp khắc phục
hậu quả, Quyết định cưỡng chế
thi hành*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Vũ Thanh Liêm

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Phước Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 99/2020/TLPT-HC ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “*Kiện quyết định hành chính về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thi hành*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1005/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Chu Thanh Y, sinh năm 1964; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk- Văng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Phan Ngọc N – Văn phòng Luật sư Thanh N, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lưu Văn K – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố B- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Hoàng Tiến M – Chuyên viên phòng tài nguyên và môi trường thành phố B. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk- Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa N; địa chỉ: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lương Thanh T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, đồng thời là Giám đốc- Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Thanh M – sinh năm: 1980; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk- Vắng mặt.

3.2. Doanh nghiệp tư nhân xây dựng T; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Duy M; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển B; địa chỉ: tỉnh Quảng Ninh- Vắng mặt.

3.4. Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1949; địa chỉ: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông Chu Thanh Y và người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ngày 09/11/2018 Chủ tịch UBND Tp. B ban hành Quyết định số 6939/QĐ-KPHQ về việc buộc ông Chu Thanh Y và ông Đỗ Văn S phải khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra, cụ thể:

+ Buộc khôi phục tình trạng của đất trước khi vi phạm là phá dỡ các công trình trên đất (cụ thể trong quyết định 6939);

+ Buộc trả lại đất đã lấn chiếm;

Tuy nhiên, sau khi nhận nhận được Quyết định nói trên thì ông Y và ông S không chấp hành các Quyết định này vì diện tích đất và các công trình trên đất là thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa N và Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển B. Ông Y và ông S chỉ được giao để quản lý và trông coi các tài sản trên nên việc buộc ông Y, ông S phải khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính là không đúng đối tượng.

Do đó, việc Chủ tịch UBND thành phố B buộc ông Y và ông S phải khắc phục hậu quả là không đúng đối tượng nên ông Y, ông S đã không chấp hành.

Ngày 07/12/2018, Chủ tịch UBND Tp. B ban hành Quyết định số 7239/QĐ-CCXP về việc “*Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*”. Không đồng ý với Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố B nên ông Y đã khởi kiện vụ án hành chính để yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 6939 và 7239 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Ông Đỗ Văn S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng ý với nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của phía người khởi kiện.

**** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lưu Văn K trình bày:***

Ngày 04/02/2009, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND về việc cho Công ty TNHH N thuê 15.348m² đất tại phường T, thành

phố B để thực hiện dự án: Xây dựng Bệnh viện đa khoa N. Tuy nhiên, Công ty TNHH N chậm triển khai thực hiện dự án như đã cam kết. Ngày 30/12/2013, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2760/QĐ-UBND về việc thu hồi 15.936m² đất của Công ty TNHH N (*nay là Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N*) tại phường T, thành phố B; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Ngày 27/01/2015, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 247/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị xây lắp, kinh phí bồi thường và giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất của Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N.

Do không đồng ý với Quyết định số 2760/QĐ-UBND, ngày 30/12/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 15.936m² đất của Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N tại phường T, thành phố B; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N đã khởi kiện UBND tỉnh Đắk Lắk đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu hủy Quyết định số 2760/QĐ-UBND, ngày 30/12/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 24/4/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Bản án sơ thẩm số 02/2015/HC-ST, tuyên xử bác đơn khởi kiện của Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N. Ngày 24/12/2015, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Bản án phúc thẩm số 11/2015/HC-PT cũn tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2760/QĐ-UBND, ngày 30/12/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk

Ngày 02/02/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk có Công văn số 24/TTPTQĐ-KTQĐ. Ngày 03/02/2016, Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N có Công văn số 11/CT-NA về việc phúc đáp Công văn số 24/TTPTQĐ-KTQĐ, 02/2/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk (*cung cấp chủ tài khoản, số tài khoản là Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N*).

Ngày 09/02/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk đã chuyển tiền vào tài khoản cho Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N với số tiền 3.221.578.000đ (ba tỷ hai trăm hai một triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn đồng) là khoản tiền bồi thường giá trị xây lắp và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng trên khu đất thực hiện dự án Bệnh viện đa khoa N gửi đến Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N, trong đó có 4 công trình nêu trên mà UBND Tp. B đã ra Quyết định cưỡng chế và khắc phục hậu quả.

Ngày 07/4/2016, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 931/QĐ-UBND về việc cho Công ty cổ phần Bất động sản Việt Nhật thuê 17.905,90m² đất tại phường T, thành phố B để xây dựng công trình: Trung tâm Thương mại Big C- B mà trước đây đã cho Công ty N thuê mặt bằng.

- Quá trình xử lý vi phạm hành chính: Sau khi Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N nhận đủ số tiền về giá trị xây lắp và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng trên khu đất thực hiện dự án Bệnh viện đa khoa N. UBND tỉnh Đắk Lắk đã giao đất cho Công ty cổ phần Bất động sản Việt Nhật để thực hiện để xây dựng công trình: Trung tâm Thương mại Big C- B.

Mặc dù, UBND phường T yêu cầu ông S, ông Y di dời ra khỏi khu đất mà cố tình xây dựng thêm các công trình khác trên khu đất đã được UBND tỉnh Đắk

Lắc giao cho Công ty cổ phần Bất động sản Việt Nhật thuê đất để xây dựng công trình Trung tâm Thương mại Big C- B.

Ngày 07/11/2018, UBND phường T lập biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với ông Đỗ Văn S, ông Chu Thanh Y với hành vi vi phạm là chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP, ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Khi UBND phường T tổ chức làm việc, ông Chu Thanh Y có mặt nhưng không ký vào biên bản vi phạm hành chính. Tuy vậy, biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPVPHC đã có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm và của người chứng kiến, đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13.

Ngày 09/11/2018, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6939/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đỗ Văn S, ông Chu Thanh Y là đúng quy định đề yêu cầu ông Đỗ Văn S, ông Chu Thanh Y chấp hành Quyết định số 6939/QĐ-KPHQ, ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Do ông Đỗ Văn S, ông Chu Thanh Y không chấp hành Quyết định số 6939/QĐ-KPHQ, ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7239/QĐ-CCXP, ngày 07/12/2018 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đỗ Văn S, ông Chu Thanh Y.

Ngày 12/12/2018, Ban cưỡng chế (được thành lập theo Quyết định số 7240/QĐ-UBND, ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B) ban hành Thông báo số 511/TB-BCC về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đỗ Văn S, ông Chu Thanh Y, địa chỉ: số 02 Nguyễn Thị Định, thành phố B.

Ngày 07/01/2019, Ban cưỡng chế đã tổ chức cưỡng chế buộc ông Đỗ Văn S, ông Chu Thanh Y thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả như sau: K phục lại hiện trạng trước khi vi phạm (*phá dỡ các công trình*), buộc trả lại đất đã chiếm và ông Y, ông S đã chấp hành.

Do vậy, Chủ tịch UBND thành phố B đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Thanh Y.

**** Ý kiến của ông Tạ Duy M - Người đại diện theo ủy của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Doanh nghiệp tư nhân T:***

Trước đây, Doanh nghiệp tư nhân T có liên doanh với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển B thi công gói thầu Dự án xây dựng Bệnh viện đa khoa N của chủ đầu tư là Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa N. Sau đó, Công ty B đã ủy quyền cho Công ty T đứng đầu liên doanh, để Công ty T đứng ra ký hợp đồng thi công với Công ty N. Công ty T đã đứng ra đầu tư các hạng mục phát quang, làm đường nội bộ, xây dựng tường rào, đào móng, bóc đất vận chuyển đi nơi khác, đổ lớp móng và xây dựng phần đế móng.

Đối với ông Chu Thanh Y và ông Đỗ Văn S và công ty T không có mối quan hệ công việc gì với nhau.

Về diện tích đất 178,73m² thuộc thửa đất số 491, tờ bản đồ số 07 tại phường T, thành phố B thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty N. Đối với các tài sản, công trình trên diện tích đất nói trên gồm:

+ Công trình 1 kết cấu móng đá hộc, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích 47m²: Trước đây là trụ sở Tổ dân phố 4, phường T, Tp. B đã được Công ty N bồi thường theo quy định và sử dụng làm văn phòng quản lý dự án;

+ Công trình 2 (*nhà tạm, kết cấu: Khung sắt mái lợp tôn diện tích 20,4m²*) và Công trình 4 (*Khung sắt, mái lợp bạt diện tích 192,09m²*) do ai tạo lập và quản lý, sử dụng thì Công ty T không biết;

+ Công trình 3 (*nhà vệ sinh, kết cấu: Móng đá hộc, tường gạch mái lợp tôn FiBrô xi măng, diện tích 9,2m²*) là của Công ty N;

Công ty T cũng không giao diện tích đất và các tài sản, công trình đất nói trên cho ông Y và ông S quản lý, sử dụng.

Về yêu cầu khởi kiện cầu ông Chu Thanh Y thì Công ty T không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa N:**

Ngày 09/4/2009, UBND tỉnh Đắk Lắk cho Công ty N thuê 15.936m² đất (theo Hợp đồng thuê đất số 67/HĐ-TĐ) tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk trong đó có diện tích đất 178,73m² thuộc thửa đất số 491, tờ bản đồ số 07 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2009, Công ty N và Doanh nghiệp T ký kết hợp đồng thi công xây dựng Bệnh viện đa khoa N. Sau đó, Doanh nghiệp T ký hợp đồng liên doanh với Công ty B, và ủy quyền cho Công ty B trực tiếp thi công công trình và làm việc với chủ đầu tư là Công ty N. Ông Chu Thanh Y và ông Đỗ Văn S là người của Công ty B thi công công trình Bệnh viện đa khoa N.

Tuy nhiên, đến ngày 30/12/2013, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2760/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất nói trên và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng, thi công Bệnh viện đa khoa N, đơn vị thi công (*đại diện là ông Chu Thanh Y và ông Đỗ Văn S*) có dựng một số công trình gồm:

+ Công trình 2 (*nhà tạm, kết cấu: Khung sắt mái lợp tôn diện tích 20,4m²*);

+ Công trình 3 (*nhà vệ sinh, kết cấu: Móng đá hộc, tường gạch mái lợp tôn FiBrô xi măng, diện tích 9,2m²*);

+ Công trình 4 (*Khung sắt, mái lợp bạt diện tích 192,09m²*);

Các công trình Công trình 2, 3, 4 không phải tài sản của Công ty N.

Riêng đối với Công trình 1 (*Trước đây là trụ sở Tổ dân phố 4, phường T, Tp. B*) kết cấu móng đá hộc, tường xây gạch, mái lợp tôn, diện tích 47m² là tài

sản có trước khi Công ty N được thuê đất nhưng sau đó đã được bồi thường giải phóng mặt bằng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Chu Thanh Y, thì Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa N không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ủy thác thu thập chứng cứ để triệu tập Công ty cổ phần đầu tư và phát triển B tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, người khởi kiện không cung cấp đúng địa chỉ của Công ty B, do đó Tòa án không thể tiến hành làm việc.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 38; khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Áp dụng Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ và Điều 2; Điều 3; Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Chu Thanh Y yêu cầu hủy Quyết định số 6939/QĐ-KPHQ ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Chu Thanh Y yêu cầu hủy Quyết định số 7239/QĐ-CCXP ngày 07/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2019, người khởi kiện là ông Chu Thanh Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 6939/QĐ-KPHQ ngày 09/11/2018 và Quyết định số 7239/QĐ-CCXP ngày 07/12/2018; với lý do như sau:

Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2760 QĐ-UBND ngày 30/12/2013, về việc: Thu hồi quyền sử dụng đất của Công ty N, thì toàn bộ tài sản trên đất là tài sản của Công ty N trước đó đã giao cho Công ty TNHH B sử dụng làm trụ sở làm việc của Ban quản lý công trình và nhà kho chứa vật liệu, bản thân ông Chu Thanh Y và ông Đỗ Văn S chỉ là người được Công ty B giao nhiệm vụ trông coi số tài sản này, Ông không phải là chủ tài sản và cũng không có hành vi lấn chiếm đất. Do đó, Quyết định hành chính số 6939/QĐ-KPHQ ngày 09/11/2018 “buộc ông Chu Thanh Y và ông Đỗ Văn S phải khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra”; buộc chúng tôi phá dỡ các công

trình trên phần diện tích đất chiếm và trả lại đất đã lấn chiếm là không đúng đối tượng phải thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Chu Thanh Y không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng: Đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ngày 09/4/2009, UBND tỉnh Đắk Lắk ký Hợp đồng cho Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa N thuê đất số 67/HĐ-TĐ, diện tích 15.936m² đất tại phường T, Tp. B để Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa N xây dựng bệnh viện đa khoa N.

Do Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa N thực hiện không đúng cam kết theo như hợp đồng nên ngày 30/12/2013, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2760/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất nói trên và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý.

Ngày 09/02/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk đã chuyển tiền bồi thường về giá trị đã xây lắp và về kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng của Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N vào tài khoản Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa N, với số tiền 3.221.578.000đ.

Như vậy, diện tích đất 178,73m² thuộc thửa đất số 491, tờ bản đồ số 07 tại phường T và các công trình trên diện tích đất này không còn thuộc quyền sở hữu, quản lý và sử dụng của Công ty N hay quyền quản lý, sử dụng của ông Y và ông S. Ông Y và ông S phải giao lại diện tích đất 178,73m² thuộc thửa đất số 491 cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý kể từ ngày 09/02/2016. Hơn nữa, ông Y và ông S cũng không phải là đại diện của Công ty N có trách nhiệm bàn giao đất và phải ở lại để bàn giao đất, công trình đã xây dựng cho chủ đất mới nhưng ông Y và ông S vẫn ở lại trên diện tích đất thuộc thửa đất số 491 và tiếp tục sử dụng nhà cấp 4 (*Hội trường tổ dân phố số 4*) để sinh hoạt: “*Mặc dù Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 30/12/2013, của UBND tỉnh Đắk Lắk đã có hiệu lực thi hành nên chúng tôi đang trú ngụ trong căn nhà cấp 4 ...chờ kết quả thanh toán từ Công ty N*”.

[2] Theo Biên bản vi phạm hành chính ngày 07/11/2018; Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 6939/QĐ-KPHQ ngày 09/11/2018; Biên bản bàn giao đất giữa Công ty N với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk ngày 14/10/2014 và Quyết định giá trị xây lắp, kinh phí bồi thường và giải

phóng mặt bằng số 247/QĐ-UBND ngày 17/01/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk (kèm theo là *Bảng tính giá trị xây lắp*) thể hiện:

- Trên diện tích đất 15.936m² mà Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa N thuê theo Hợp đồng thuê đất số 67/HĐ-TĐ ngày 09/4/2009, thì ngoài một số hạng mục xây dựng như: Móng khối nhà chính...Hệ thống bờ kè, móng tường rào... đã xác định tài sản có trên đất theo Biên bản bàn giao đất ngày 14/10/2014 thì còn có 03 hạng mục khác được nêu trong Biên bản vi phạm hành chính ngày 07/11/2018, như: Nhà tạm, mái lợp tôn... (*Công trình 2*); Nhà vệ sinh... (*Công trình 3*); Khung sắt, mái bạc... (*Công trình 4*).

- Trong phần bồi thường cho Công ty N không có 03 hạng mục: Nhà tạm, mái lợp tôn...; Nhà vệ sinh...Khung sắt, mái bạc...

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án thì Công ty N và Công ty T (là đơn vị ký kết hợp đồng thi công xây dựng Bệnh viện đa khoa N) xác định 02 hạng mục (*Công trình 2 và Công trình 4*) không phải của Công ty N; Công ty T không biết các công trình này và không giao đất, các tài sản trên đất cho ông Y, ông S quản lý. Do đó, có đủ căn cứ để xác định 02 hạng mục (*Công trình 2 và Công trình 4*) được xây dựng khi Công ty N bàn giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý. Việc ông Y cho rằng Khung sắt, mái bạc... là nhà kho chứa vật liệu của Công ty B nhưng ông Y là phó giám đốc Công ty B- Đại diện của Công ty B, là chỉ huy phó tổ chức thi công công trình thì lẽ ra sau khi UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất và bồi thường công trình đã được xây dựng trên đất thu hồi, ông Y và ông S phải tháo dỡ các công trình đã xây dựng này (*Công trình 2 và Công trình 4*) và di chuyển ra khỏi khu vực đất bị thu hồi nhưng ông Y và ông S không tháo dỡ, tiếp tục ở lại quản lý, sử dụng là cố tình lấn chiếm đất.

[3] Sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 07/11/2018 và nhận được Quyết định số 6939/QĐ-KPHQ ngày 09/11/2018, ông Y và ông S không chấp hành mà tiếp tục ở lại trên diện tích đất 178,73m² thuộc thửa đất số 491, tờ bản đồ số 07 tại phường T cho đến khi cơ quan chức năng tiến hành cưỡng chế (*Biên bản yêu cầu di dời tài sản ra khỏi khu vực cưỡng chế ngày 07/01/2019 và Biên bản cưỡng chế ngày 07/01/2019*): “Ông S và ông Y đã chấp hành và di dời toàn bộ tài sản ra khỏi khu vực cưỡng chế”.

Vì vậy, hành vi của ông Y và ông S nêu trên [1], [2] và [3] đã cho thấy ông Y và ông S không chấp hành Quyết định thu hồi đất, không chịu bàn giao đất, không di dời các tài sản đã xây dựng trên đất của người khác là lấn chiếm đất. Cho nên, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 6939/QĐ-KPHQ ngày 09/11/2018 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 7239/QĐ-CCXP ngày 07/12/2018 là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2, Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; Điều 2, Điều 3 và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Chu Thanh Y. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Y phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ vào khoản 1, Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Chu Thanh Y và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 58/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2/ Áp dụng khoản 2 Điều 38; khoản 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; Điều 2, Điều 3 và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Chu Thanh Y về việc yêu cầu hủy các quyết định sau đây:

- Quyết định số 6939/QĐ-KPHQ ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;

- Quyết định số 7239/QĐ-CCXP ngày 07/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

3/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Chu Thanh Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 07438 ngày 18/12/2019 (*Do bà Phạm Thị Bích Chi nộp thay*) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4/ Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Thanh